

**TOÀ ÁN NHDÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47 /2018/HNGĐ – ST
Ngày 7 tháng 9 năm 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn;

**NHDANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHDÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Duy Chiến.

Các Hội thẩm Nhdân:

1. Ông: Lục Văn Văn;

2. Bà: Vũ Thị Hòa;

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thanh Huyền - Thư ký Toà án Nhdân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Ngày 07/9/2018, tại trụ sở Toà án Nhdân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2018/TLST- HNGĐ ngày 09/7/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41 /2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 và Quyết định Hoãn phiên toà số 31/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.*Bị đơn:* Anh Nguyễn Danh Nh.

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 27/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Danh Nh kết hôn với nhau có đăng ký ngày 18/12/2012, Tại Ủy ban Nhdân xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Trước khi kết hôn chúng tôi có tìm hiểu tự nguyện không ai bị ép buộc, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hoà thuận, được năm năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên Nh là do anh Nh không chịu làm ăn, chơi cờ bạc,

gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng anh Nh không khắc phục được, đến nay tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, thực tế vợ chồng đã sống ly thân được 2 tháng, không quan tâm đến nhau. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Danh Nh.

Về con: Vợ chồng sinh được hai con chung, cháu thứ nhất Nguyễn Thị Ngọc Trinh, sinh ngày 08/10/2013; cháu thứ hai Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 01/12/2016. Nếu được ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị bán hàng tạp hóa chợ Duyên Hải thu nhập hàng tháng 10 triệu đồng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại bản khai ngày 11/7/2018 và quá trình giả quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Danh Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh công nhận về thời gian và địa điểm đăng ký kết như chị H trình bày là đúng, anh hoàn toàn nhất trí. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu, hôn Nh trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian như chị H trình bày thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng anh xét thấy mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, có khả năng khắc phục được, vì vậy anh không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh xác nhận có 02 người con chung đúng như chị H đã khai, trong trường hợp phải ly hôn thì anh xin nuôi cháu thứ nhất Nguyễn Thị Ngọc Trinh, không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với vụ án này Tòa án đã đưa ra hòa giải hai lần nhưng chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, anh Nguyễn Danh Nh không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện anh Nguyễn Danh Nh về việc ly hôn, đây là những tranh chấp về hôn Nh và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, anh Nguyễn Danh Nh có địa chỉ tại thành phố Lào Cai, Tòa án Nhân thành phố Lào Cai thụ lý vụ án để giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên Tòa hôm nay chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Danh Nh vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đúng theo qui định pháp luật.

Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 điều 227; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Danh Nh.

[2] Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Danh Nh kết hôn với nhau có đăng ký tại Ủy ban Nhân dân xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai theo giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyền số 01 vào ngày 18 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, như vậy hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ và công nhận.

[3] Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Anh Nguyễn Danh Nh không nhất trí.

Xét thấy trong quá trình chung sống thì chị H và anh Nh đã sống ly thân được 3 tháng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến không có tiếng nói chung, anh Nh không chịu làm ăn, hay chơi bời lêu lề, nợ nần nhiều người, xuất phát từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến việc chị phải đi thuê phòng để ở, tại đơn xin xác nhận ngày 10/8/2018 thì chính quyền địa phương xác nhận chị H và anh Nh đã sống ly thân, tại các biên bản hòa giải thì anh Nh xác nhận có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, như vậy trong quá trình chung sống chị H và anh Nh phát sinh mâu thuẫn là có thật, xét thấy mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chấp nhận yêu cầu của chị Hằng, không chấp nhận yêu cầu của anh Nhân, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn Nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Danh Nh.

[4] Về con: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Danh Nh chung sống với nhau sinh được 02 cháu, cháu thứ nhất Nguyễn Thị Ngọc Trinh, sinh ngày 08/10/2013, cháu thứ hai Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 01/12/2016.

Tại phiên Tòa chị H xin được nuôi cả hai cháu, xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân, cả hai cháu đang ở với chị, bản thân chị H bán hàng tạp hóa chợ Duyên Hải thu nhập hàng tháng 10.000.000đ/tháng, các cháu còn nhỏ cần bàn tay chăm sóc của mẹ, anh Nh cũng muốn nuôi cháu Nguyễn Thị Ngọc Trinh nhưng không chứng minh được điều kiện nuôi con, bản thân không có thu nhập, vì vậy không chấp nhận yêu cầu của anh Nhân, giao cả hai cháu cho H nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị H không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng tiền nuôi con chung, vì vậy hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản: Chị H không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn Nh và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 điều 227; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Danh Nh.

2. Về con: Chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cháu Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 08/10/2013 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 01/12/2016 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Danh Nh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0005271 ngày 03/7/2018. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TP Lào Cai;
- Đương sự (2);
- THA DS;
- UBND xã Đồng Tuyển;
- Lưu TA, VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Duy Chiến

Thẩm phán Hoàng Duy Chiến;

Báo cáo án;

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Danh Nh, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 27/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Danh Nh kết hôn với nhau có đăng ký ngày 18/12/2012, Tại UBND xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Trước khi kết hôn chúng tôi có tìm hiểu tự nguyện không ai bị ép buộc, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hoà thuận, được năm năm thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên Nhì là do anh Nh không chịu làm ăn, chơi cờ bạc, gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng anh Nh không khắc phục được, đến nay tình cảm vợ chồng trầm trọng hơn, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân được 2 tháng, không quan tâm đến nhau. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Danh Nh.

Về con: Vợ chồng sinh được hai con chung, cháu thứ nhất Nguyễn Ngọc Trinh, sinh ngày 08/10/2013, cháu thứ hai Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 01/12/2016. Nếu được ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị bán hàng tạp hóa chợ Duyên Hải thu nhập hàng tháng 10 triệu đồng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 11/7/2018 bị đơn anh Nguyễn Danh Nh trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh công nhận về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng, anh hoàn toàn nhất trí. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian như chị H trình bày thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng anh xét thấy mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, có khả năng khắc phục được, vì vậy anh không đồng ý ly hôn.

* Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh xác nhận có 02 người con chung đúng như chị H đã khai, trong trường hợp phải ly hôn thì anh xin nuôi cháu thứ nhất Nguyễn Thị Ngọc Trinh, không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

* Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Danh Nh vắng mặt, chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện.

QUAN ĐIỂM

Căn cứ Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn Nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Danh Nh.
2. Về con: Chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu thứ nhất Nguyễn Ngọc Trinh, sinh ngày 08/10/2013, cháu thứ hai Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 01/12/2016 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Danh Nh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Danh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0005271 ngày 03/7/2018. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

TP Hoàng Duy Chiến báo cáo vụ án ly hôn:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thuỳ Giang.

Địa chỉ: Tổ 28, phường Pom Hán, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Danh Nh.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Tổ 19, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 043, đường Trần Quốc Hoàn, tổ 19B, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 02/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Danh Nh kết hôn với nhau có đăng ký tại Ủy ban Nhân dân phường Pom Hán, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai vào ngày 29/6/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn thuận. Nguyên Nh là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến không có tiếng nói chung, không có sự cảm thông, chia sẻ, cuộc sống chung không hòa hợp. Từ đó vợ chồng thường xuyên xô sát, mâu thuẫn, cãi chửi nhau dẫn đến cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, không có hạnh

phúc. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2017, mỗi người sống một nơi không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin được ly hôn với anh Nhân.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị sinh được một người con chung tên là Nông Khả Ngân, sinh ngày 19/10/2014. Nay ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Nông Khả Ngân, không yêu cầu anh Nhphải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Danh Nh trình bày:

Về hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn chị Nguyễn Thị H trình bày là đúng sự thật. Về mâu thuẫn vợ chồng anh cho rằng chị H trình bày là không đúng, thực tế vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, vẫn có khả năng khắc phục được. Nguyên Nhphát sinh là do hoàn cảnh gia đình, anh phải đi làm để lấy tiền trang trải cuộc sống của bản thân cũng như gia đình, công việc của anh phải làm đêm và có khi làm cả đêm chính vì vậy không có sự chăm sóc quan tâm đến vợ con, anh nghĩ mâu thuẫn này anh sẽ khắc phục được. Chị H nói vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2017 chị về nhà mẹ đẻ để ở là không đúng mà chị H về nhà mẹ đẻ ở từ 12/2017, khi ly thân thì cứ có thời gian anh xuống thăm vợ và con. vì vậy anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Nông Khả Ngân, sinh ngày 19/10/2014. Nay ly hôn anh cũng có nguyện vọng nuôi cháu Nông Khả Ngân đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm.

QUAN ĐIỂM

Căn cứ Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn Nh và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Danh Nh.
2. Về con: Chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Khả Ngân, sinh ngày 19/10/2014 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Danh Nh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Danh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0004944 ngày 09/3/2018. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,